TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-10-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Thắm

Bà Nguyễn Thị Rạt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân Hện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21tháng10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 895/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Cẩm T**, sinh năm 1992; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã H, Hện N, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, Hện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Ngô Thị Cẩm T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T tự tìm hiểu nhau. Bà và ông T tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, Hện N, tỉnh Long An vào ngày 08/4/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cha chồng khó Tnh hay chửi bới xúc phạm danh dự nhân phẩm gia đình bên bà. Chồng bà lại im lặng không quan tâm chăm sóc cho bà và con. Đôi khi, ông T còn đánh đập bà. Trong cuộc sống bên gia đình chồng bà không tìm được tiếng nói chung. Bà và ông T cũng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm

2018 cho đến nay. Trong thời gian, bà sống bên gia đình cha mẹ ruột tại xã H, Hện N, ông T cũng không tới lui thăm hỏi hay muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông T có 01 con chung tên là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 06/7/2011, giới Tnh: Nam. Hiện tại con chung đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông T không có nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà T có tìm hiểu và có tiến tới hôn nhân vào năm 2011. Ông và bà T có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2018, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình. Ông thừa nhận có nhắn tin với người khác. Nên bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Ông không đồng ý ly hôn với bà T vì ông còn thương vợ, con. Ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng.

Về con chung: Ông xác định có 01 con chung tên là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 06/7/2019. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông đồng ý để cho bà T được nuôi con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Ông xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T hiện đang cư trú tại xã Đ, Hện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Ngô Thị Cẩm T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt n bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Ngô Thị Cẩm T:

[3.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà T và ông T tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2011 đăng ký ngày 08/4/2011 do Ủy ban nhân dân xã Đ, Huyện N, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà T và ông T có phát sinh mâu thuẫn và các đương sự cũng đã thừa nhận. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T, nhưng ông T không đồng ý vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng và ông còn thương vợ, con. Nhưng trong suốt quá trình tố tụng, ông T chỉ có bản tự khai và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không tham gia hòa giải để có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông T là có thật, ông T cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, càng chứng tỏ rằng quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà T được ly hôn với ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 06/7/2011 đủ 07 tuổi, đang sống chung với bà T và có văn bản có ý kiến là muốn sống chung với bà T. Ông T cũng có ý kiến là đồng ý để bà T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung nếu Tòa án cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở ý kiến của các đương sự và nguyện vọng của con chung, nên giao cháu Nguyễn Quốc H cho bà T được quyền tiếp tục chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hân đã thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về chia tài sản: Bà T xác định tự thỏa thuận về chia tài sản; ngược lại, ông T vắng mặt có bản tự khai xác định không có tài sản chung. Do đó, nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp về chai tài sản sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung: Bà T và ông T đều xác định không có nợ ai, nên Hội đồng không xem xét.

[4] Về án phí: Buộc bà Ngô Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Cẩm T về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" đối với ông Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ngô Thị Cẩm T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 06/7/2011, giới Tnh: Nam. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Ngô Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003427 ngày 31/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Ngô Thị Cẩm T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có mặt

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND Hện Đức Hòa;
- Chi cục THADS Hện Đức Hòa;
- UBND xã Đ, Huyện N, tỉnh Long An b*(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương